

Bản án số: 198/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2021

“V/v *Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thu Hảo.

2. Ông Bành Quốc Trung.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 124/2021/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2021/QĐHPT – HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Ngọc Thái S**, sinh năm 1977; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Th H, xã L Th, thị xã GC, tỉnh TG;

2. *Bị đơn:* Anh **Diệp Ngọc L**, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp ThH, xã L Th, thị xã GC, tỉnh TG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc Thái S trình bày:*

Chị và anh L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, thị xã Gò Công, Tiền Giang vào ngày 31 tháng 7 năm 2012. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh L không lo làm ăn, không chăm lo gì cho gia đình và có người phụ nữ khác bên ngoài, anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay, chị nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay tình cảm không còn chị S yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Diệp Ngọc L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng Anh vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị S có đơn khởi kiện đối với anh L. Bị đơn anh L có địa chỉ tại xã LT, thị xã Gò Công nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị S xin ly hôn với anh L, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị S có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh L vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị S chung sống với anh L từ năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã LT, thị xã Gò Công, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31 tháng 7 năm 2012 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L không lo cho gia đình và do tính cách quá khác biệt nên thường hay tranh cãi, anh chị đã cố gắng hàn gắn để bảo vệ hạnh phúc gia đình nhưng không thể được hiện tại đã ly thân. Từ đó cho thấy chị S, anh L mâu thuẫn đã lâu nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được. Nay chị S xin ly hôn nhưng anh L không đến Tòa án trong suốt quá trình tố tụng điều đó cho thấy anh đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Qua xem xét Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị S yêu cầu ly hôn với anh L là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Không có.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này chị S và anh L có tranh chấp về tài sản chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

[5]. Về án phí: Chị Hồng phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Ngọc Thái S. Chị Huỳnh Ngọc Thái S được ly hôn với anh Diệp Ngọc L.

2. Về án phí: Chị Huỳnh Ngọc Thái S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0019459 ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị S đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Thừa**